

## VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ NGHĨA HỌC CỦA TRẠNG TỪ *DÉJÀ* TRONG TIẾNG PHÁP

Vũ Thị Ngân

*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp  
Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Một trong các loại lỗi mà người Việt học tiếng Pháp hay mắc phải khi giao tiếp là việc quá lạm dụng từ *déjà* của tiếng Pháp. Nếu như những người học tiếng Pháp giai đoạn đầu hay mắc các kiểu lỗi như :

- Je vois (regarde) **déjà** ce film (Mình xem phim này rồi)

thì loại lỗi kiểu :

- Tu as vu ce film?( Bạn xem phim này chưa?)

- Oui, **déjà**.

hoặc: - \* **Déjà**, j'ai vu ce film.

thường thấy ở mọi trình độ.

Phải chăng người Việt Nam khi sử dụng tiếng Pháp thường bị ảnh hưởng tiêu cực của tiếng Việt, đặc biệt là của các trạng từ “đã” hoặc “đã ... rồi” trong tiếng Việt?

Trong phạm vi báo cáo này, tôi muốn hệ thống lại cách dùng của *déjà* và qua đó rút ra đặc điểm chung nhất về hoạt động của trạng từ này và gợi ý một vài điểm về cách chuyển dịch các câu có trạng từ này sang tiếng Việt.

### I. Hoạt động của *Déjà*

Trong từ điển Petit Robert, *déjà* được coi như là một trạng từ chỉ thời gian, có các ý nghĩa sau:

a) dès l'heure présente, dès maintenant:

- *Il a déjà fini son travail ( Anh ấy đã làm xong công việc của mình)*

- *Il est déjà 4 heures (Đã 4 giờ rồi)*

+ dès lors, dès ce temps en parlant du passé ou de l'avenir : il était *déjà* marié à ce moment-là (*Hồi ấy, anh ấy đã lập gia đình*)

b) au paravant; avant: *je l'ai déjà rencontré ce matin. (Tôi đã gặp anh ấy sáng nay rồi)*

c) (fam) renforçant une constatation: c'est *déjà* bien (*Tốt rồi*)

c'est *déjà* beau (*Đẹp rồi*)

en fin de phrase pour réitérer une question dont on a oublié la réponse: *comment vous appelez-vous déjà?* (*Câu tên là gì rồi ấy nhỉ?*)

Tuy nhiên, một vài cách dùng khác của **déjà** không thấy được nêu ra, ví dụ cách dùng chỉ một kinh nghiệm đã trải qua: *jai déjà mangé du caviar* (=il m'est arrivé au moins une fois de manger du caviar), hoặc khi **déjà** dùng sau một động từ chia ở mệnh lệnh thức: *mange déjà tes pommes de terre, pour le reste, on verra après*. Các cách dùng này rất thông dụng trong cách nói hàng ngày nhưng lại không được đề cập đến trong từ điển.

Mặt khác, nếu quan sát các câu trong đó có **déjà**, ta sẽ thấy rằng **déjà** có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Vị trí của **déjà** cũng là một dấu hiệu quan trọng trong việc xác định ý nghĩa của **déjà** :

1- **déjà, ton nom?** (on verra le reste ensuite) = *Tên cậu đã* (mọi chuyện khác ta sẽ xem xét sau)

2- *ton nom, déjà?* (question liée à un oubli) = *Câu tên là gì rồi ấy nhỉ?*

Thêm vào đó, một câu với **déjà**, tùy theo ngữ cảnh, có thể chuyển tải các nghĩa khác nhau. Ví dụ câu:

3 - *tu as déjà fait la vaisselle*

có thể:

a - chỉ sự ngạc nhiên :

*tu l'as faite plus vite que prévue*

b - chỉ sự đối lập giữa việc phải làm và việc đã làm :

*tu l'as déjà faite ou dois - je la faire ?*

c - chỉ một việc đã hoàn thành (đạt được) :

*... voilà une bonne chose de faite*

d - chỉ giai đoạn đầu trong một chuỗi các việc phải làm :

*... tu peux bien la ranger*

e - hoặc chỉ một kinh nghiệm đã trải qua :

*t'est - il arrivé au moins une fois dans ta vie de faire la vaisselle ?*

Các ví dụ trên đây cho thấy sự đa dạng về nghĩa và về cách dùng của **déjà** trong môi trường câu. Một câu hỏi được đặt ra là có thể đưa các cách dùng đa dạng của trạng từ này về một hoạt động duy nhất, cho phép lý giải các ý nghĩa khác nhau của trạng từ này không? Bởi vì ta cũng nhận thấy trong sự đa dạng nghĩa của **déjà** vẫn có một sự nhất quán chung xuyên suốt trong tất cả các cách dùng của **déjà**.

Một câu hỏi nữa được đặt ra là khi nào có thể dùng **déjà** trong câu, hay nói cách khác, điều kiện nào cho phép sự có mặt của **déjà** và nó tác động đến ý nghĩa của câu như thế nào. Để trả lời được các câu hỏi trên, ta hãy bắt đầu bằng việc so sánh 2 câu sau:

4a- *C'est toi? = Cậu đấy à?*

4b- *C'est déjà toi? = Cậu đã đến rồi đấy à?*

Nếu 4a chỉ đơn thuần là một câu hỏi khẳng định, xuất hiện trong ngữ cảnh người hỏi còn đôi chút nghi ngờ nào đó về sự có mặt của người được hỏi thì câu hỏi trong 4b biểu thị sự ngạc nhiên của người hỏi về sự có mặt quá sớm của người được hỏi, sự có mặt này nằm ngoài sự mong đợi của người hỏi; điều đó có nghĩa là người hỏi chờ đợi hoặc là sự chưa có mặt, hoặc là sự vắng mặt của người được hỏi. Như vậy, sự có mặt của **Déjà** làm xuất hiện sự đối lập giữa hai giá trị: sự có mặt của người được hỏi và cái mà người hỏi chờ đợi. Sự đối lập giữa hai giá trị (tôi ký hiệu là p/p') không hề có trong câu 4a, câu không có **déjà**. Phải chăng chính trạng từ này làm xuất hiện sự đối lập hai giá trị? Ta hãy xét tiếp hai câu sau:

5- *Il est 4h = Bây giờ là 4 giờ*

5a- *Il est déjà 4h! = Đã 4 giờ rồi cơ à!*

Sự ngạc nhiên toát ra từ câu (5a), với sự có mặt của **déjà** chứng tỏ người nói chờ đợi một giờ khác với giờ người ta nhận ra trong thực tế. Chẳng hạn như chưa đến 4h mà tôi ký hiệu là giá trị p'. Còn trong câu 5, ta thấy đây chỉ đơn thuần là một nhận xét về thời gian hoặc là câu trả lời cho câu hỏi về giờ giấc (*Quelle heure est-il?*)

**Déjà** thường xuất hiện trong những câu cảm thán biểu thị sự kinh ngạc, ngạc nhiên của người nói, như trong ví dụ dưới đây :

6- *Son mari regarda sa montre et dit qu'il est l'heure du jeu télévisé*

- *déjà, fait-elle, sursautant... Bon, j'y vais.*

(*Chồng bà nhìn đồng hồ và nói là đến giờ của chương trình trò chơi trên truyền hình*

- *Đã đến giờ rồi kia à, bà ta kêu lên, đứng phắt ngay dậy, ... em ra xem đây.)*

Như vậy, ta thấy trong các ví dụ trên, với **déjà** cùng với một giá trị p nào đó được xác nhận có cả sự tính đến một giá trị p' nào đó trong ngữ cảnh. Điều này có thể thẩm định rõ qua một loạt các cách dùng của **déjà**, hay nói một cách khác, sự đối lập giữa hai giá trị p và p' là điều kiện tiên quyết để **déjà** xuất hiện trong ngữ cảnh. Sự xuất hiện của **déjà** làm đồng thời xuất hiện một giá trị khác với giá trị được chọn trong câu và chính điều này dẫn đến sự thay đổi nghĩa của câu khi có

mặt **déjà**. Điều này được chứng minh qua việc so sánh sự có mặt hay vắng mặt của **déjà** trong cùng một câu như trong các ví dụ 4a, 5a hoặc trong ví dụ sau:

7a. *Tu t'appelles comment?* → câu hỏi bình thường hỏi về tên tuổi

7b. *Tu t'appelles comment, déjà* → với sự có mặt của **déjà**, 7b không còn là một câu hỏi với mục đích có được thông tin về họ tên của người được hỏi, mà gắn liền với sự quên cái tên đã biết. Như vậy, nếu như trong 7a, người đặt câu hỏi hoàn toàn không biết gì về tên tuổi của người được hỏi (và vì thế mới hỏi) thì ở câu 7b, việc không biết tên của người được hỏi không phải là giá trị đầu tiên vì có một giá trị khác được coi là giá trị đầu tiên (ở đây là đã biết tên) ẩn sau đó. Sự xuất hiện giá trị đầu tiên đó gắn liền với sự có mặt của **déjà** và khiến cho câu hỏi hàm nghĩa với việc quên cái tên đã biết.

Như vậy, **déjà** thường xuất hiện trong các ngữ cảnh có sự đối lập giữa giá trị p và một giá trị khác p'. Và có lẽ chính cách thức xuất hiện của p' quy định cách dùng khác nhau của trạng từ này. Điều này được khảo nghiệm bước đầu qua việc phân tích các ví dụ trên. Qua khảo nghiệm các câu có **déjà**, tôi nhận thấy cách thức xuất hiện của giá trị p' rất khác nhau.

Dựa vào cách thức xuất hiện một giá trị khác giá trị đi cùng với **déjà**, tôi chia cách dùng của **déjà** thành 3 nhóm:

**Nhóm 1:** là nhóm mà sự có mặt của **déjà** gắn liền với việc phải tính đếm đến giá trị khác ngoài giá trị mà **déjà** xác nhận trong câu. Điều đó khiến cho giá trị xuất hiện cùng với **déjà** không phải là giá trị đầu tiên. Chính sự có mặt của **déjà** làm nảy sinh ra việc phải tính đếm đến giá trị khác với giá trị xuất hiện cùng **déjà**, đã phân tích trong các ví dụ 4a, 5a, 6 và 7b.

Trong nhóm này, **déjà** biểu thị một giá trị sớm hơn giá trị mà người ta mong đợi (ví dụ 4a, 5a), hoặc sự lãng quên một điều đã biết (ví dụ 7b)

**Nhóm 2:** Đặc điểm của nhóm này là giá trị p' thường đã có mặt trong ngữ cảnh, hoặc là dưới dạng một việc người ta nhằm tới, hoặc dưới dạng một việc phải làm. Giá trị do **déjà** xác nhận làm cho giá trị p' kia bị xem xét lại, hoặc bị loại trừ. Ví dụ :

8 - *Je peux prendre cette place? (Tôi có thể ngồi đây được không?)*

*Désolé, elle est déjà prise. (Tiếc là đã có người ngồi rồi)*

Trong ngữ cảnh này, ta thấy có một quan điểm khác nhau giữa hai người đối thoại về chỗ ngồi: đối với người đầu tiên, hỏi xem có thể lấy chỗ không có nghĩa là với anh ta, chỗ ngồi còn trống (p'), còn đối với người thứ hai, chỗ đã có người ngồi. **Déjà** có nghĩa là chỗ ngồi mà bạn nhằm đến không còn nữa. Và như vậy có nghĩa là mục đích định lấy chỗ ngồi không còn giá trị.

Sự đối lập giữa hai người nói về giá trị p (prendre la place) là điều kiện để **déjà** xuất hiện. Giá trị mà **déjà** xác nhận (ở đây là *la place est prise*) làm cho giá trị p' bị loại trừ (la place n'est plus à prendre). Trong trường hợp không có sự loại trừ một giá trị khác (p'), **déjà** không cần thiết trong câu. Ta hãy so sánh :

9- - *Paul, tu as fait tes devoirs? (Paul, con đã làm bài chưa?)*

- *Oui, c'est fait maman. (Con làm rồi mẹ ạ)*

10- - *Paul, viens faire tes devoirs! (Paul, đi làm bài đi!)*

- *Mais, je les déjà faits maman. (Nhưng con đã làm rồi mà)*

Trong 9, câu hỏi của bà mẹ không mang tính khẳng định mà câu hỏi chỉ là để biết con mình làm bài hay chưa làm bài. Còn trong 10, mệnh lệnh bà mẹ đưa ra chứng tỏ là đối với bà, con mình chưa làm bài (p'). Câu trả lời với **déjà** loại trừ điều khẳng định của bà mẹ và hàm ý là bà đã sai.

**Déjà** trong nhóm này có nghĩa là một giá trị p' nào đó được nhằm tới sẽ không còn giá trị được nhằm tới khi giá trị p đã được hiện thực trong ngữ cảnh.

**Nhóm 3:** Ở nhóm này, giá trị p' cũng đã có mặt độc lập trong câu, nhưng khác với nhóm hai, giá trị xuất hiện với **déjà** không loại trừ giá trị p', cả hai giá trị p và p' cùng tồn tại song song. Ta có thể xếp trong nhóm này các loại câu như :

11 - *Mange déjà ta soupe et on parlera de ton problème après. (Ăn xúp đã rồi ta nói chuyện sau)*

12 - *Hier, j'ai mangé un poussin. T'en as déjà mangé des poussins, toi? (Hôm qua mình ăn một chú gà con mới nở. Cậu đã từng bao giờ ăn gà mới nở chưa?)*

Ở đây,

p' trong (11) là = problèmes à discuter

p = Mange ta soupe

p' trong (12) là = moi, manger un poussin

p = toi, en manger

Trong hai ví dụ trên, ta thấy không có việc loại trừ giá trị p'. Giá trị này tồn tại độc lập, song song với giá trị p. nhưng không phải là giá trị p.

Qua việc phân tích các ví dụ với **déjà**, ta thấy sự có mặt của **déjà** có tác động trực tiếp đến nghĩa của câu và làm câu có các giá trị ngữ nghĩa khác nhau. Đúng về góc độ cách dùng, ta thấy **déjà** không xuất hiện một cách tùy tiện. Nó thường chỉ xuất hiện trong các ngữ cảnh có sự đối lập, sự không ăn nhập giữa hai giá trị. Tùy theo cách thức xuất hiện của giá trị p' mà **déjà** có các cách dùng khác nhau và có giá trị ngữ nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, qua việc phân tích các cách

dùng khác nhau của *déjà*, ta vẫn thấy có một điểm chung, đồng nhất trong hoạt động của từ *déjà*: nó có nghĩa một giá trị p được xác lập hay chọn lọc nằm trong quan hệ khác biệt với một giá trị p' là giá trị ban đầu. Nói một cách khác, để biểu thị một sự đối lập hay không ăn nhập giữa hai giá trị p, p' trong ngữ cảnh thường được biểu thị qua sự có mặt của *déjà*.

Cũng cần phải nói rõ rằng, nét đồng nhất trong hoạt động của trạng từ này có thể áp dụng để phân tích các cách dùng không chỉ thời gian của *déjà*, ví dụ: *C'est déjà bien*. Hoặc *C'est déjà ca de pris* v.v. Trong khuôn khổ báo cáo này tôi không đề cập đến các cách dùng trên.

Cần phải nhấn mạnh một điều là, vì *déjà* chỉ xuất hiện trong các ngữ cảnh phải có sự đối lập hoặc không đồng nhất giữa hai giá trị nên trong các ngữ cảnh không có sự đối lập ấy, không thể dùng trạng từ này. Chính vì thế, dùng *déjà* để trả lời câu hỏi về vị ngữ như kiểu câu sau là sai:

13- *Vous avez lu ce roman? (Anh đã đọc quyển truyện này chưa?)*

\* *Oui, déjà.*

Câu hỏi trong (11) là loại câu hỏi về sự tồn tại hay không tồn tại vị ngữ *lire* (*lire/ pas lire*), người hỏi không khẳng định giá trị nào, nên không có sự đối lập giữa hai giá trị p, p', vì thế không thể dùng trạng từ này trong ngữ cảnh. Tuy nhiên, đây là kiểu lỗi khá phổ biến của người Việt học tiếng Pháp do ảnh hưởng của cấu trúc tiếng Việt.

## II - Một vài gợi ý về cách chuyển dịch các câu có *déjà* sang tiếng Việt

Hai trạng từ tiếng Việt có nhiều nét tương đồng về hoạt động với *déjà* là **Đã** và **Rồi**. Nhiều nhà nghiên cứu tiếng Việt đều cho rằng **Đã** là trạng từ chỉ sự hoàn thành trong tiếng Việt. Dường như, cách dùng của **Đã** không chỉ bó hẹp trong phạm vi chỉ thời thể (ví dụ: *Cô nàng đã xấu lại chua ngoa*; hoặc *Đã là con thì phải nghe lời cha mẹ* v.v) Về hoạt động của các trạng từ này, tôi sẽ đề cập trong một báo cáo khác. Trong phạm vi của báo cáo này, tôi chỉ đưa ra một số nhận xét về cách biểu thị các sắc thái nghĩa của *déjà* sang tiếng Việt.

Có những trường hợp trong câu có *déjà* ta phải dùng hoặc là **Đã** hoặc là **Rồi** để chuyển dịch. Nhưng không phải trong trường hợp nào cũng có thể dùng chúng để dịch các câu có *déjà*. Trong một số trường hợp, khi dịch các câu có *déjà* sang tiếng Việt, ta phải dùng cả cụm trạng từ "**đã ... rồi**".

**Ở nhóm 1**, đối với các câu hỏi mang tính cảm thán, biểu lộ sự ngạc nhiên của người nói, việc dùng **đã...rồi** là bắt buộc. (Ta nhận thấy rất ít khi từ "**đã**" dùng một mình).

Ta hãy so sánh :

14a- *Il est déjà 4h* = Đã 4 giờ rồi cơ à ?

14b- *Il est 4h* = 4 giờ rồi !

15- *Il est tard. Je dois vous quitter* = Muộn rồi, tôi phải về đây.

- *Déjà?* = Đã về rồi à ?

Riêng trong trường hợp các câu hỏi hàm ý chỉ sự lãng quên, không thể dịch với “**rồi**” hoặc “**đã.. rồi**” mà phải dùng lại cách dịch “**diễn giải**”, ví dụ câu

- *Tu t'appelles comment, déjà?*

phải dịch là “*Cậu nói cậu tên là gì ấy nhỉ?*”, hoặc “*Mình quên mất tên cậu là gì ấy nhỉ?*”, vì tiếng Việt không có cấu trúc tương đương.

Không dịch theo cách dịch diễn giải này, ta sẽ không thể phân biệt được với trường hợp câu hỏi hỏi tên thông thường :

- *Cậu tên là gì ?*

Đặc biệt trong nhóm này, với những câu mà **déjà** đi với một động từ ở thời quá khứ kép, bắt buộc phải dịch với “**đã ... rồi**”

- *Quand je suis arrivé, le train est déjà parti*

= *Khi tôi đến sân ga thì tàu đã chạy rồi*

Đối với nhóm 2, thông thường chỉ cần dùng “**rồi**” để dịch nghĩa của **déjà**, mà không cần dùng “**đã**”

- *La place est déjà prise.* = Chỗ có người rồi

- *J'ai déjà fait mes devoirs.* = Con làm bài rồi

- *Rassure-toi, j'ai déjà fait la réservation.* = Yên tâm, mình giữ chỗ rồi.

- *Voulez-vous souper avec nous.* = Ngài có muốn dùng soupe với chúng tôi không?

- *J'ai déjà diné.* = Tôi (đã) dùng bữa chiều rồi.

Nhóm 3: Trái với nhóm 2, để dịch **déjà** trong nhóm này, bắt buộc phải dùng “**đã**” mà không dùng từ “**rồi**”:

- *Téléphone-lui déjà.* = Gọi điện cho anh ấy đã.

- *Je passe déjà un coup de fils avant de dépouiller le courrier.*

= Trước khi lục thư, tôi gọi điện đã.

- *Mange déjà ton soupe, on verra ça après.* = Ăn cháo đã, rồi ta bàn chuyện ấy sau

hoặc phải dùng “**đã từng**” khi mà **déjà** hàm nghĩa một kinh nghiệm đã trải qua:

- *J'ai déjà mangé du chien.* = Tôi **đã từng** ăn thịt chó.
- *Il m'est déjà arrivé à veiller tout la nuit.* = Tôi **đã từng** thức suốt đêm.

Có những nét tương đồng giữa các cách dùng của *déjà* với trạng từ “**đã**” (hoặc “**rồi**”) tiếng Việt. Nhưng bên cạnh đó, hoạt động của các từ này cũng khác nhau. Như trên đã nói, “**đã**” thường chỉ có thể dùng để dịch một số câu có *déjà* của nhóm 3, ngược lại trong nhiều cách dùng của *déjà*, ta không thể dịch bằng “**đã**”.

- *C'est déjà bien = Thế là tốt rồi.*

Nhưng nhiều cách dùng của “**đã**” (hoặc “**đã ... rồi**”) tiếng Việt không thể chuyển dịch bằng từ *déjà*.

- *Lỗi tại nó. Đã vậy mà nó còn cãi.*

- *C'est sa faute. C'est sur que c'est sa faute, pourtant il proteste encore de son innocence.*

Việc không nắm vững hoạt động của các từ này là nguyên nhân dẫn đến việc lạm dụng từ, hoặc dùng sai từ.

Trên đây chỉ là một vài gợi ý chuyển dịch mang tính tham khảo. Các sắc thái nghĩa của các trạng từ này rất đa dạng vì như chúng tôi đã phân tích ở trên, nghĩa cụ thể của một đơn vị ngôn ngữ nói chung và cụ thể ở đây là trạng từ *déjà* tùy thuộc vào sự tương tác các yếu tố của từng ngữ cảnh, từng tình huống giao tiếp cụ thể.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J.J. Franckel, *Etude de quelques marqueurs aspectuels du français*, Droz, Genève, Paris, 1987.
2. R. Martin, *Temps et aspect, Essai sur l'emploi des temps narratifs en moyen français*, Klincksieck, Paris, 1971.
3. D. Paillard, Temps, aspect, typé de procès, A propos du présent simple, in *Recherches nouvelles sur le langage*, numéro spécial, Collection ERA 642, Université de Paris 7, 1988
4. C. Vet, *Temps, aspect, adverbess de temps en français contemporain*, Droz, Genève, 1980.
5. Vũ Thị Ngân, *Systématique des valeurs du passé composé en français contemporain*, Thèse de Doctorat, Université de Paris 7, 1998.



ON THE OPERATION AND SEMANTIC VALUE  
OF THE WORD “DÉJÀ” IN FRENCH

**Vu Thi Ngan**

*Department of French Language and Culture  
College of Foreign Languages - VNU*

The highly frequent “Déjà” in French can be a problem for Vietnamese learners who are unaware of how it is used. Another part of the reason is due to the influence of Vietnamese on L2 (French) acquisition. Therefore, this paper presents the author’s work designed to take a close look at its workings in French. Basically, its uses can fall into three categories on the basis of which the author gives suggestions as to how its meanings can be rendered into Vietnamese. It is hoped that as such, the work will be of some help to those doing French.